

THÔNG TƯ

**Quy định về nhập, đăng tải, khai thác dữ liệu thủ tục hành chính
trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và quản lý
Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính**

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định về nhập, đăng tải, khai thác dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc nhập, đăng tải, khai thác dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Cơ sở dữ liệu quốc gia) và việc quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia; quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc nhập, đăng tải, khai thác dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan trong việc nhập, đăng tải, khai thác dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Điều 3. Dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia

Dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia bao gồm: thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc (sau đây gọi chung là thủ tục hành chính) và văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính được quy định tại các điểm a, b, c Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 63/2010/NĐ-CP) được nhập và đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, có giá trị thi hành và được bảo đảm thi hành.

Điều 4. Nguyên tắc nhập, đăng tải, khai thác dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia

1. Việc nhập dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia phải được thực hiện sau khi được cơ quan, người có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật.

2. Dữ liệu thủ tục hành chính được nhập và đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia phải đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và phải được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, lợi ích của Nhà nước.

3. Việc khai thác dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và việc quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia phải tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng và quản lý dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

Chương II NHẬP, ĐĂNG TẢI DỮ LIỆU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA

Điều 5. Trách nhiệm nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển

Việt Nam thực hiện nhập dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia như sau:

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức việc nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia các dữ liệu thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ và đã được công bố theo quy định của pháp luật, sau đó sử dụng phần mềm của Cơ sở dữ liệu quốc gia để gửi dữ liệu thủ tục hành chính đã nhập cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tổ chức Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ nhập dữ liệu thủ tục hành chính và đề nghị Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức nhập bổ sung những bộ phận cấu thành của thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và đã được công bố theo quy định của pháp luật từ nguồn dữ liệu thủ tục hành chính do các Bộ, cơ quan ngang Bộ gửi thông qua phần mềm của Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhập bổ sung dữ liệu thủ tục hành chính và đề nghị Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia;

c) Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam tổ chức nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia dữ liệu thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

Tổ chức pháp chế các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam giúp Tổng giám đốc nhập dữ liệu thủ tục hành chính và đề nghị Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm:

a) Đăng tải các dữ liệu thủ tục hành chính được nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo đề nghị của Tổ chức Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

b) Đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện nhập dữ liệu thủ tục hành chính và đề nghị đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Mẫu Văn bản đề nghị đăng tải công khai dữ liệu thủ tục hành chính ban hành theo kèm theo Thông tư này được gửi về Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp theo địa chỉ thư điện tử cuckstthc@moj.gov.vn hoặc bằng phương tiện điện tử do Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp thông báo.

Điều 6. Quy trình nhập dữ liệu thủ tục hành chính

1. Quy trình nhập dữ liệu thủ tục hành chính tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ

Tổ chức Pháp chế thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện việc nhập dữ liệu thủ tục hành chính theo quy trình sau:

a) Thực hiện đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo tài khoản do Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp cung cấp; nhập các thủ tục hành chính đã được cấp có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và kết nối với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

b) Ấn định các bộ phận cấu thành của thủ tục hành chính không được phép chỉnh sửa sau đó xác định các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện gửi dữ liệu thủ tục hành chính thông qua phần mềm của Cơ sở dữ liệu quốc gia;

c) Đề nghị Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp đăng tải công khai dữ liệu thủ tục hành chính đã được nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Quy trình nhập dữ liệu thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc nhập dữ liệu thủ tục hành chính theo quy trình sau:

a) Thực hiện đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo tài khoản do Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp cung cấp; nhập bổ sung những bộ phận cấu thành của thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã được công bố theo quy định của pháp luật từ nguồn dữ liệu thủ tục hành chính do các Bộ, cơ quan ngang Bộ gửi thông qua phần mềm của Cơ sở dữ liệu quốc gia và kết nối với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; nhập các dữ liệu thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia (nếu có) và thực hiện kết nối với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

b) Đề nghị Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp đăng tải công khai dữ liệu thủ tục hành chính đã được nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Quy trình nhập dữ liệu thủ tục hành chính tại các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Tổ chức Pháp chế các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam giúp Tổng giám đốc nhập dữ liệu thủ tục hành chính theo quy trình sau:

a) Thực hiện đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo tài khoản do Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp cung cấp; nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và kết nối với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

b) Đề nghị Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp đăng tải công khai dữ liệu thủ tục hành chính đã được nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Điều 7. Quy trình đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính

Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp thực hiện đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy trình sau:

1. Kiểm tra, rà soát, đối chiếu để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu thủ tục hành chính đã được nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia với thủ tục hành chính tại Quyết định công bố thủ tục hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Quyết định công bố thủ tục giải quyết công việc của các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Kiểm tra, rà soát, đối chiếu để bảo đảm thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố phù hợp với thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam công bố.

3. Kiểm tra, rà soát đảm bảo thủ tục hành chính và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan quy định về thủ tục hành chính phải được kết nối, tích hợp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

4. Đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính sau khi thực hiện kiểm tra, rà soát, đối chiếu theo quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Trường hợp dữ liệu thủ tục hành chính nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia không bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, phù hợp theo quy định tại các Khoản 1, 2 3 Điều này, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp đề nghị Tổ chức Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam; Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện dữ liệu thủ tục hành chính và gửi về Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp

trong thời hạn tối đa không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp.

Điều 8. Thời hạn nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia

1. Thời hạn nhập và gửi dữ liệu thủ tục hành chính để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

2. Thời hạn đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính được nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

Chương III
KHAI THÁC DỮ LIỆU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN
CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA

Điều 9. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức giải quyết thủ tục hành chính trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia

1. Khai thác, sử dụng dữ liệu thủ tục hành chính được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ cho việc niêm yết công khai và giải quyết thủ tục hành chính theo phạm vi chức năng, thẩm quyền được giao.

2. Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức trong trường hợp cá nhân, tổ chức đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính theo các quy định về thủ tục hành chính được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia; không được quy định thêm bất kỳ nội dung nào khác về thủ tục hành chính ngoài những quy định đã được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Khi phát hiện những thủ tục hành chính đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được công bố, công khai hoặc được công bố, công khai nhưng chưa chính xác, đầy đủ theo quy định hoặc đã hết hiệu lực thi hành, bị hủy bỏ, bãi bỏ nhưng vẫn được đăng tải công khai hoặc không đảm bảo sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp, các cơ quan, tổ chức giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm thông báo, gửi ý kiến phản hồi cho Tổ chức Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam; Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp để kịp thời xử lý.

Điều 10. Quyền của cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia

1. Khai thác, sử dụng dữ liệu thủ tục hành chính được đăng tải trên Cơ sở

dữ liệu quốc gia phục vụ cho việc thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện những thủ tục hành chính, hồ sơ, giấy tờ, yêu cầu, điều kiện được pháp luật quy định hoặc đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Phản ánh, kiến nghị với Tổ chức Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam; Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp về những nội dung sau:

a) Thủ tục hành chính đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc đã được đăng tải nhưng không đầy đủ, chính xác theo quy định;

b) Thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành, bị hủy bỏ, bãi bỏ nhưng vẫn được đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia;

c) Sự không thống nhất giữa thủ tục hành chính được đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia với thủ tục hành chính được niêm yết tại nơi giải quyết thủ tục hành chính;

d) Sự không thống nhất giữa thủ tục hành chính được giải quyết với thủ tục hành chính được niêm yết tại nơi giải quyết thủ tục hành chính và được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Chương IV **QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VÀ TRÁCH NHIỆM** **CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

Điều 11. Nội dung quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia

1. Xây dựng chính sách pháp luật về việc nhập, đăng tải, khai thác dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia và việc quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Kiểm duyệt nội dung dữ liệu thủ tục hành chính được nhập, đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng các quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn nhập, đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương ban hành quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính trong phạm vi quản lý nhà nước.

3. Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất cho việc nhập, đăng tải, nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia; huy động và sử dụng các nguồn kinh phí, nguồn lực hợp pháp

để tăng cường khả năng quản lý, vận hành, duy trì và nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia.

4. Thực hiện quản lý tài khoản đăng nhập Cơ sở dữ liệu quốc gia cho các cơ quan có trách nhiệm nhập dữ liệu thủ tục hành chính quy định tại Điều 5 Thông tư này; định kỳ rà soát, đề xuất phương án nâng cấp, chỉnh sửa hệ thống hạ tầng phần cứng và phần mềm của Cơ sở dữ liệu quốc gia phù hợp với nhu cầu thực tế.

5. Tổ chức kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia với cổng thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin cho hạ tầng công nghệ thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm Cơ sở dữ liệu quốc gia hoạt động liên tục 24 (hai mươi tư) giờ trong tất cả các ngày.

Trong trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia được sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, chỉnh sửa cần thông báo về việc tạm ngưng hoạt động của Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP.

8. Xây dựng đội ngũ, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ, công chức thực hiện quản lý, duy trì, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia; tổ chức tập huấn, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng nhập, khai thác, sử dụng dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

9. Khen thưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt việc nhập, đăng tải, quản lý và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia.

10. Tổng hợp, báo cáo các cấp có thẩm quyền về tình hình quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Thực hiện các nội dung quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

2. Cục Kiểm soát thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện các quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 và 8 Điều 11 của Thông tư này.

3. Cục Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Cục Kiểm soát thủ tục hành chính và các đơn vị có liên quan thực hiện quy định tại Khoản 5, 6 và 7 Điều 11 của Thông tư này.

4. Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Điều 13. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Thực hiện các nội dung quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia quy định tại Khoản 9 Điều 11 của Thông tư này.

2. Tổ chức thực hiện việc nhập dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định tại Chương II của Thông tư này.

3. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu thủ tục hành chính giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia với cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất cho việc nhập dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia.

5. Kiểm duyệt dữ liệu thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước, phạm vi giải quyết được nhập trên Cơ sở dữ liệu quốc gia; chịu trách nhiệm về độ chính xác của dữ liệu thủ tục hành chính được đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia.

6. Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa thủ tục hành chính được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia và thủ tục hành chính được niêm yết tại nơi giải quyết thủ tục hành chính.

7. Kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa, đính chính dữ liệu thủ tục hành chính đã nhập hoặc đã được đăng tải theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

8. Quản lý tài khoản đăng nhập Cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tư pháp cấp; công chức, viên chức được giao tài khoản đăng nhập phải tự thay đổi mật khẩu và tự bảo mật tài khoản trong quá trình sử dụng; không được cung cấp hoặc để lộ tài khoản.

9. Ban hành quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính thống nhất trong phạm vi quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương.

10. Tổ chức Pháp chế, Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Giám đốc các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại Điều này.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.
2. Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.
3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgCP Nguyễn Xuân Phúc (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP, các cơ quan: Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- Tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP, các cơ quan: Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KSTT (10).



**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG TẢI DỮ LIỆU THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA
VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 19 /2014/TT-BTP ngày 15 tháng 9
năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp*

**BỘ, NGÀNH/UBND CẤP TỈNH
TỔ CHỨC PHÁP CHẾ/SỞ TƯ PHÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....
V/v đề nghị đăng tải dữ liệu TTHC trên
Cơ sở dữ liệu quốc gia

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi: Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp

Ngày ... tháng ... năm ..., Bộ, ngành/Ủy ban nhân dân tỉnh ... đã ban hành Quyết định số...../..... về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Đến nay, việc nhập dữ liệu thủ tục hành chính theo Quyết định công bố nêu trên vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đã hoàn thành, Bộ, ngành/Ủy ban nhân dân tỉnh ... đề nghị Cục Kiểm soát thủ tục hành chính đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia thông tin về các thủ tục hành chính sau đây:

1. Hồ sơ văn bản

a) Hồ sơ văn bản đề nghị công khai

STT	Số hồ sơ của văn bản đề nghị công khai ¹	Tên hồ sơ văn bản đề nghị công khai ²	Ghi chú
	(1)	(2)	
1			

b) Hồ sơ văn bản đề nghị không công khai

STT	Số hồ sơ của văn bản đề nghị không công khai ³	Tên hồ sơ văn bản đề nghị không công khai ⁴	Lý do không công khai ⁵	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	
1				

¹. Ghi số hồ sơ của văn bản đề nghị công khai đã nhập trên phần mềm. VD: B-BGT-001449-VB.

². Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu văn bản đề nghị công khai.

VD: Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

³. Ghi số hồ sơ của văn bản đề nghị không công khai đã nhập trên phần mềm. VD: T-DBI-001523-VB.

⁴. Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu văn bản đề nghị không công khai.

VD: Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007 của UBND tỉnh Điện Biên V/v ban hành danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền phí, lệ phí thu được trên địa bàn tỉnh.

⁵. Ghi một trong các lý do là: bị thay thế; bị bãi bỏ hoặc hủy bỏ; hết hiệu lực thi hành.

2. Hồ sơ TTHC

a) Hồ sơ TTHC đề nghị công khai

STT	Số hồ sơ TTHC đề nghị công khai ⁶	Tên TTHC đề nghị công khai ⁷	Ghi chú
	(1)	(2)	
1			

b) Hồ sơ TTHC đề nghị không công khai

STT	Số hồ sơ TTHC đề nghị không công khai ⁸	Tên TTHC đề nghị không công khai ⁹	Lý do không công khai ¹⁰	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	
1				
2				

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC PHÁP CHẾ/
GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP**

(Ký tên)

Nguyễn Văn A

⁶. Ghi số hồ sơ của TTHC đề nghị công khai đã nhập trên phần mềm. VD: B-BKH-052469-TT.

⁷. Ghi tên TTHC đề nghị công khai. VD: Đăng ký hoạt động văn phòng đại diện đối với công ty cổ phần.

⁸. Ghi số hồ sơ của TTHC đề nghị không công khai đã nhập trên phần mềm. VD: B-BXD-003731-TT.

⁹. Ghi tên TTHC đề nghị không công khai. VD: Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đối với tổ chức.

¹⁰. Ghi một trong các lý do là: bị sửa đổi, bổ sung; bị thay thế; bị bãi bỏ hoặc hủy bỏ; hết hiệu lực thi hành.